

Bản án số: 25/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 15-9-2020  
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thọ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Luân.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Hiền – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn K, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn K trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 22-7-2019 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 02-2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cách nghĩ và quan niệm sống của vợ chồng không hợp nhau, mặc dù cả hai đều đã rất cố gắng nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung nên tình trạng vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Từ tháng 3-2020 chị đã mang con về nhà bố mẹ để chị sinh sống, anh chị li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xác định

tình cảm vợ chồng không còn, chỉ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn K.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Trần Văn K, đồng thời nhiều lần triệu tập anh K đến trụ sở Tòa án để giải quyết về việc chị H xin ly hôn anh, nhưng anh K đều có tình vắng mặt. Tòa án đã kết hợp cùng Công an xã N, huyện K đến tận nhà anh K để yêu cầu anh K viết bản tự khai cũng như làm việc về yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh K có mặt ở nhà nhưng từ chối không làm việc và còn thách thức, không hợp tác với Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng cũng đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương xã N, huyện K và được chính quyền địa phương cung cấp: Anh Trần Văn K là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã N, huyện K và vẫn thường xuyên có mặt tại địa phương. Chị H và anh K đăng ký kết hôn với nhau ngày 22-7-2019, sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự đồng cảm nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi, chửi nhau. Từ khoảng đầu năm 2020 chị H đã mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và anh chị li thân nhau từ đó đến nay. Nay địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh K theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng anh chị có một con chung tên là Trần Thị N, sinh ngày 11-02-2020, hiện nay đang ở với chị. Chị H xin được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị H xác định chị có một con riêng tên là Trần Thế P, sinh ngày 04-3-2009, hiện nay đang ở với chị, còn anh K cũng có một con riêng tên là Trần Thị O, sinh ngày 27-02-2011, hiện nay đang ở với anh K, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; riêng anh K không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, có tình vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn K. Về con chung: Giao cháu Trần Thị N, sinh ngày 11-02-2020 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được; anh

K không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn K là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 22-7-2019 tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự đồng cảm nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi, chửi nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh K; còn anh K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn, khi Tòa án đến tận nhà gặp anh K thì anh cố tình không khai báo, không hợp tác với Tòa án trong việc giải quyết yêu cầu ly hôn của chị H. Theo xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh K xảy ra là thực tế, mặc dù đã được chính quyền, đoàn thể địa phương và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị H được ly hôn anh K là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh K có một con chung tên là Trần Thị N, sinh ngày 11-02-2020, hiện nay đang ở với chị H. Xét thấy hiện nay cháu N mới được bảy tháng tuổi, từ khi anh chị li thân nhau đến nay cháu N đều ở cùng với chị H và được chị nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định; hơn nữa hiện nay chị H có thu nhập ổn định, có xác nhận của chính quyền địa phương, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu N, anh K không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con riêng*: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị H xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị N, sinh ngày 11-02-2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004119 ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị H đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị H biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh K vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Thọ**











